

Bản án số: 94/2026/HNGĐ- ST

Ngày: 14-5-2026

V/v " ly hôn "

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10- HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Chí Dũng và bà Nguyễn Thị Lựu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ly- Tòa án nhân dân khu vực 10- Hải Phòng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10- Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Quách Thị Nền- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10- Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 544/2025/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2025 về việc " ly hôn ".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2026/QĐXX-ST ngày 21 tháng 4 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 65A/2026/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 5 năm 2026 về việc giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh ngày 29-12-1990

Số Hộ chiếu: C9494862. Nơi cấp: Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng Hòa S.
Ngày cấp: 21-02-2022.

ĐKHKTT: Số 64/60 M, phường A, thành phố Hải Phòng

Hiện đang làm việc tại Cộng Hòa S.

Bị đơn: Anh Trần Văn L, sinh ngày 05-01-1983

Số chứng minh nhân dân: 141985721. Nơi cấp: Công an tỉnh Hải Dương.
Ngày cấp: 13-7-2007.

NĐKHKTT: Số nhà 29/61 G, tổ dân phố V, phường K, thành phố Hải Phòng

Hiện đang làm việc tại nước ngoài

Người được ủy quyền của chị P: Chị Trần Thị Minh T, sinh năm 1989

Địa chỉ: Số 54/81 Phạm Hữu Đ, phường A, thành phố Hải Phòng

(chị P đề nghị giải quyết vắng mặt, chị T, anh L đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị P trình bày: Chị và anh Trần Văn L được tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương vào ngày 06-5-2022. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng hơn 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về tính cách, quan điểm sống vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau không còn hạnh phúc. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2024 đến nay, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh L.

Về con chung: Anh chị không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện hiện nay chị đang đi làm ăn xa không thể về Tòa án để trực tiếp giải quyết tham gia phiên tòa được. Chị đề nghị Tòa án cho được vắng mặt và ủy quyền cho chị Trần Thị Minh T được thay mặt chị nộp và nhận các văn bản tố tụng giúp chị.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án có triệu tập bị đơn anh Trần Văn L. Tuy nhiên Tòa án chỉ giao được các văn bản tố tụng cho người thân của anh L nhận thay. Anh L cũng không đến Tòa án làm việc. Tòa án có làm việc với anh Trần Văn Khánh (anh trai của anh L) trình bày: Anh L hiện nay đang làm việc tại Cộng hòa Séc. Anh L đi được khoảng hơn 3 năm nay và chỉ liên hệ với gia đình qua điện thoại. Gia đình không biết địa chỉ cụ thể của anh L ở đâu. Sau khi Tòa án giao các văn bản cho bà Nguyễn Thị C (mẹ đẻ anh L), bà C có trao đổi lại với anh để anh thông tin lại cho anh L được biết. Anh L có nói lại với anh hiện nay anh và chị P đang sống ly thân, chị P xin ly hôn anh đồng ý. Hiện nay anh ở xa không thể về làm việc theo giấy triệu tập được, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Tòa án giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa anh nhận thay anh L và cam đoan sẽ thông báo lại cho anh L được biết. Anh K đã thông báo lại các tài liệu đã nhận cho anh L được biết.

Tại Công văn số 1202/XNC-Đ1 ngày 11-02-2026 của phòng Quản lý xuất nhập cảnh – Công an thành phố Hải Phòng xác định: Chị Nguyễn Thị P, sinh ngày 29-12-1990 (Nơi cư trú: 64/60 đường M, phường A, thành phố Hải Phòng). Xuất cảnh gần nhất ngày 21-10-2023 bằng hộ chiếu C9494862 qua cửa khẩu sân bay quốc tế Nội Bài, chưa có thông tin nhập cảnh trở lại.

Anh Trần Văn L, sinh ngày 05-01-1983 số chứng minh nhân dân 141985721 (ĐKHKT: TDP V, phường K, thành phố Hải Phòng), xuất cảnh gần nhất ngày 17-01-2023 bằng hộ chiếu C9775677 qua cửa khẩu sân bay quốc tế Nội Bài, chưa có thông tin nhập cảnh trở lại.

Tại phiên toà nguyên đơn chị Nguyễn Thị P, anh Trần Văn L đều vắng mặt vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bình bày.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 1,2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho cho chị Nguyễn Thị P được ly hôn anh Trần Văn L.

2.Về con chung: Chị P và anh L không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra việc giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị P có đơn yêu cầu xin ly hôn anh Trần Văn L. Anh L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố Vinh Quang, phường Kinh Môn, thành phố Hải Phòng. Hiện nay đang đi lao động ở nước ngoài. Do vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10- Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà chị P vắng mặt có đề nghị giải quyết vắng mặt. Anh L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ theo

quy định tại khoản 1,2 Điều 227; khoản 1,3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị P và anh L.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P và anh Trần Văn L được tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn vào ngày 06-5-2022 tại UBND thị trấn Kinh Môn, tỉnh Hải Dương nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên có nhiều bất đồng về tính cách và quan điểm sống nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Chị P và anh L cùng xác định vợ chồng mâu thuẫn và đã sống ly thân. Chị P xin ly hôn anh L đồng ý. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa chị P và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để chấp nhận yêu cầu chị P xin ly hôn anh L là có căn cứ.

[3]. Về con chung: Anh chị không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị P không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết. Anh L không có ý kiến về tài sản chung nếu trường hợp sau này các bên có tranh chấp được xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 1,2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228; Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị P được ly hôn anh Trần Văn L.

2. Về con chung: Anh chị không có con chung nên không đặt ra việc giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra việc giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ với số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền ký hiệu BLTU/25E số 0008760 ngày 26-12-2025 tại Thị trấn Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Chị P đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể

từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 10- Hải Phòng;
- Đường sự;
- UBND phường Kinh Môn, thành phố Hải Phòng
- THADS thành phố Hải Phòng (khi bản án có hiệu lực pháp luật);
- Lưu hồ sơ, Tòa án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nguyệt